

Bản án số: 309/2024/DS-PT  
Ngày 24 tháng 12 năm 2024  
V/v: “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Sơn

*Các Thẩm phán:* Ông Hoàng Ngọc Linh và Ông Đào Chí Keo

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 287/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024; tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024, của Toà án nhân dân thị xã Tân Châu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 356/2024/QĐXXPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Phúc K, sinh năm 1983, nơi cư trú: tổ G, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1974 và bà Đỗ Mẫn Q (tự là K1), sinh năm 1976, cùng nơi cư trú: Tổ H, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Trần Văn N - Văn phòng Luật sư Trần Văn N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A; địa chỉ: Số E, Ngõ Văn S, khóm Đ, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh Văn S1, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ G, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; (có mặt).

*Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Văn D là bị đơn trong vụ án.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Huỳnh Phúc K trình bày:* Do cùng xóm và chỗ quen biết, anh K có cho ông Huỳnh Văn D vay 03 lần tiền (không nhớ ngày tháng nhưng trong năm 2023), lần đầu 100.000.000đồng; lần hai 100.000.000đồng; lần ba 65.000.000đồng; tổng số tiền vay 265.000.000đồng, không thỏa thuận lãi suất, không thời hạn, không làm biên nhận nợ, mục đích vay để mua đất; thỏa thuận khi anh K cần tiền thì sẽ hoàn trả lại. Đến ngày 05/8/2023, anh K có viết biên nhận nợ và đưa cho ông Huỳnh Văn S1 (cha ruột K) đến chỗ ông D đang đi đám, đưa cho ông D ký tên trong biên nhận nợ số tiền 265.000.000 đồng. Sau khi vay, ông D không trả lãi; trả vốn 02 lần, lần thứ nhất ngày 16/8/2023, trả trực tiếp cho anh K nhận 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, lần thứ hai ngày 09/11/2023 trả được 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, do ông Huỳnh Văn S1 (cha ruột anh K) nhận; tổng cộng ông D đã trả vốn gốc 210.000.000đồng thì ngưng, bà Đỗ Mẫn Q (vợ ông D) có thỏa thuận trả tiền, nhưng không thực hiện, còn nợ lại vốn 55.000.000đồng. Anh K yêu cầu ông Huỳnh Văn D và bà Đỗ Mẫn Q liên đới có trách nhiệm trả vốn 55.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

*Bị đơn ông Huỳnh Văn D và bà Đỗ Mẫn Q đồng trình bày:*

Năm 2022 (không nhớ ngày tháng), ông D có vay nhiều lần (không nhớ cụ thể bao nhiêu lần và thời gian vay) của anh Huỳnh Phúc K mỗi lần vay 10.000.000 đồng, 20.000.000 đồng, tổng số tiền vay là 210.000.000 (Hai trăm mười triệu) đồng, khi vay không có biên nhận nợ, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay. Sau khi vay, có trả lãi mỗi tháng cho anh K, nhưng không nhớ đã trả lãi bao nhiêu và không chứng cứ chứng minh về việc trả lãi cho anh K. Đến ngày 05/8/2023, ông D đi đám và đã uống rượu, ông Huỳnh Văn S1 (cha ruột anh K) có đến đưa cho ông D tờ giấy đã viết sẵn kêu ông D ký tên, lúc này ông D có ký tên và lăn tay (chữ ký tên và ghi họ tên, điểm chỉ đúng là của Huỳnh Văn D), nhưng ông D không đọc và không biết ghi số tiền bao nhiêu trong biên nhận nợ. Sau đó, ông D trả vốn: Ngày 16/8/2023, trả vốn 150.000.000đồng do ông K trực tiếp nhận; ngày 09/11/2023, tại Văn phòng khóm L B, phường L, ông D trả cho ông Huỳnh Văn S1 (cha ruột anh K) nhận 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, và biên bản tự thỏa thuận do Ban khóm lập thể hiện ông D có thỏa thuận với ông S1 về sau không còn nợ tiền và không xúc phạm gia đình ông D. Nay, ông D và bà Q không đồng ý theo yêu cầu của ông K.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn S1 trình bày:* Tiền cho vay là của Huỳnh Phúc K (con ruột ông S1), ông S1 biết ông D và bà Q có mượn nợ của Huỳnh Phúc K nhiều lần tiền, tổng cộng 265.000.000 (hai trăm sáu mươi lăm triệu) đồng, không biết có thỏa thuận lãi hay không, ông D và bà Q đã trả được vốn 210.000.000 đồng, còn nợ lại con tôi 55.000.000đồng. Biên nhận nợ ngày 05/8/2023, do K viết nội dung, sau đó ông S1 có đem lại cho ông Huỳnh Văn D ký tên, lúc đó ông D đang trong rạp đám cưới và có chút rượu, ông K có nhờ người kêu ông D ra ký biên nhận. Ông D có ký tên, ghi họ tên và lăn tay trong biên nhận nợ. Ngày 09/11/2023, Văn phòng K2 có lập tờ tự thuận, ông S1 có đến Văn phòng khóm ký nhận trong tờ

tự thuận dưới mục “Bên nhận”, số tiền vốn 60.000.000 đồng, về nội dung trong tờ tự thuận như thế nào thì ông S1 không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Phúc K.

Buộc ông Huỳnh Văn D có trách nhiệm trả cho anh Huỳnh Phúc K 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Phúc K về việc yêu cầu bà Đỗ Mẫn Q liên đới cùng ông Huỳnh Văn D trả nợ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/9/2024, nguyên đơn ông Huỳnh Văn D kháng cáo yêu cầu xem xét đã trả dứt tiền cho ông K.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm;**

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án;

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Văn D phát biểu ý kiến: Ông D khai có ký biên nhận ngày 05/8/2023, lúc đó ông D đi đám cưới, có uống rượu nên ông S1 đưa ký tên chứ không có đọc và xem lại; trước khi khởi kiện ông S1 có nói cho ông T nghe là ông Duyên nợ 210.000.000đ, còn tiền lãi 55.000.000đ, tờ thỏa thuận thể hiện nội dung theo ông T, ông Lâm T1, Phó khóm khai mặc dù, khi viết tờ thỏa thuận không có mặt ông D, ông S1 cùng ở Ban khóm, nhưng khi đến ký tên có đọc lại cho ông S1 và ông D nghe và đồng ý ký tên, lời khai của ông S1 thể hiện vay có tiền lãi, tại đơn thưa thể hiện đều do ông S1 đi đến Ban khóm thưa, chưa lần nào ông K đi đến Ban khóm; điều này cho thấy đây là nợ vay của gia đình của ông S1, ông K; cho nên việc ông S1 làm tờ thỏa thuận sau khi trả 60.000.000đ là chấm dứt nợ của ông D; đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc để ra phán quyết phù hợp các tình tiết khách quan và đúng pháp luật.

Nguyên đơn ông K ý kiến: Tờ tự thuận của Ban khóm có thật hay không, thành phần hòa giải không đúng quy định, đáng lý nợ ông K thì do ông K tự thỏa thuận; tờ tự thuận lập ngày 09/11/2023 do ông S1 ký tên có nhận số tiền 60.000.000đ, chứ nội dung tờ tự thuận thế nào thì ông S1 không có đọc lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, qua tranh tụng tại phiên tòa thì thấy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; việc bị đơn nại ra rằng đã có tờ tự thuận trả dứt nợ cho ông K, nhưng ông K không thừa nhận, bởi vì, tờ tự thuận do ông Huỳnh Văn S1 ký tên có nhận tiền và đưa lại ông K, chứ không thể hiện ý chí của ông K; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm;

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn nộp đơn kháng cáo hợp lệ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn thì thấy;

[2.1] Căn cứ biên nhận ngày 05/8/2023 có nội dung “Huỳnh Văn D có mượn của cháu K số tiền 265.000.000đ”; ông D thừa nhận có ký tên, lăn tay trong biên nhận này; ông D khai ngày 16/8/2023 trả vốn 150.000.000đ đồng do ông K trực tiếp nhận; ngày 09/11/2023, tại Văn phòng khóm L B, phường L, ông D trả cho ông Huỳnh Văn S1 (cha ruột anh K) nhận 60.000.000đ; tổng cộng đã trả được 210.000.000đ; việc này được ông K và ông D thừa nhận. Ông K chỉ khởi kiện yêu cầu ông D trả số tiền nợ còn lại là: 55.000.000đ.

[2.2] Tại đơn thưa ngày 06/11/2023 của ông Huỳnh Văn S1 gửi Ban tự quản khóm Long Quới B có nội dung “*Nguyên vào ngày 05/8/2022, ông Huỳnh Văn D, ngụ tổ H, khóm L B, p L, TX T, An Giang có mượn tạm của tôi 265.000.000đ để sử dụng, có làm biên nhận, đến ngày 16/8/2023 có trả được 150.000.000đ, phần còn thiếu 115.000.000đ,... Chú D đồng ý để vợ trả 80.000.000đ phần còn lại chú giải quyết sau, nay chú D đồng ý chỉ trả 20.000.000đ không chịu thì thôi*”.

[2.3] Ông D cho rằng đã hết nợ ông K, vì theo Tờ tự thuận ngày 09/11/2023 tại Ban khóm L B, xã L có nội dung “*Tôi Huỳnh Văn D đồng ý trả cho ông Huỳnh Văn S1 số tiền 60.000.000đ, mà tôi đã nợ ông S1 và từ đây tôi không còn nợ ông S1, những biên nhận nợ trước đây không còn giá trị và bên ông S1 không còn được nói năn xúc phạm đến vinh dự của gia đình tôi,..*”, tờ tự thuận này được ông S1, ông D và người chứng kiến ông T, ông L đều thừa nhận có ký tên và ông S1 nhận tiền 60.000.000đ. Nhưng tại phiên tòa ông S1 khai khi viết tờ tự thuận không có mặt ông S1 ở Ban khóm, ông nghe Ban khóm kêu lại ký tên để nhận tiền 60.000.000đ do Ban khóm đem tiền lại tại nhà ông S1, sau đó ông S1 đưa lại cho ông K 60.000.000đ.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, chính ông D cũng thừa nhận có ký tên lăn tay vào biên nhận nợ ngày 05/8/2023 có nội dung “Huỳnh Văn D có mượn của cháu K số tiền 265.000.000đ”; như vậy, căn cứ vào biên nhận nợ và sự thừa nhận của ông K và ông D, thì ông D đã trả được 210.000.000đ và còn nợ lại 55.000.000đ. Trong quá trình

tranh chấp cũng như vụ việc thừa ra Bản khóm cũng không có bất cứ văn bản nào của ông K ủy quyền cho ông S1 để thực hiện công việc thay ông K đi đòi nợ.

[3] Từ phân tích trên cho thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; ông D cũng không có chứng cứ làm phát sinh từ tiết mới, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét theo nội dung kháng cáo, đề nghị của Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo, giữ y án sơ thẩm là đồng quan điểm với Hội đồng xét xử phúc thẩm.

Các phần còn lại của Bản án không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn D phải chịu theo quy định của pháp luật.  
Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn D.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024, của Toà án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Phúc K. Buộc ông Huỳnh Văn D có trách nhiệm trả cho anh Huỳnh Phúc K 55.000.000 (Năm mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Phúc K về việc yêu cầu bà Đỗ Mẫn Q liên đới cùng ông Huỳnh Văn D trả nợ.

Án phí dân sự phúc thẩm: Huỳnh Văn D phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008676 ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Các phần Quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện (1).
- Toà Dân sự (2)
- Văn phòng.(1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đương sự “Đề thi hành”
- Lưu: HS.

**Nguyễn Văn Sơn**